

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG NGHỆ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

KHOA THIẾT KẾ THỜI TRANG

Tài liệu giảng dạy
BIÊN TẬP ẢNH



TP. HỒ CHÍ MINH, THÁNG 07 NĂM 2021
LƯU HÀNH NỘI BỘ

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG NGHỆ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

KHOA THIẾT KẾ THỜI TRANG

Tài liệu giảng dạy
BIÊN TẬP ẢNH

TP. HỒ CHÍ MINH, THÁNG 7 NĂM 2021

LƯU HÀNH NỘI BỘ

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU

CHƯƠNG I: PHẦN MỀM LIGHTROOM	1
I. Giới thiệu, cài đặt Lightroom.....	1
1. Giới thiệu.....	1
2. Những tính năng nổi bật của Lightroom	2
3. Ứng dụng Lightroom vào công việc.....	3
II. Thực hành cài đặt	3
1. Cấu hình cài đặt.....	3
2. Hướng dẫn cài đặt.....	4
CHƯƠNG II: QUẢN LÝ THƯ VIỆN HÌNH ẢNH VỚI LIGHTROOM.....	10
I. Quản lý thư viện hình ảnh với Lightroom	10
1. Cách mở File bằng Lightroom.....	10
2. Nguyên lý cốt lõi của Lightroom	11
3. Xem File đã chỉnh sửa.....	12
4. Backup tài liệu, Restore lại dữ liệu trong Lightroom.....	15
5. Tính năng quản lý ảnh theo kiểu Keywords, phân loại ảnh và phim bằng cách đánh giá gắn màu.....	16
II. Thực hành và ứng dụng phần mềm Adobe Photoshop để kết nối với trang Web Pexels, Lightroom.....	20
1. Xuất ảnh trong Photoshop	20
2. Kết nối với trang Web Pexels.....	22
3. Kết nối với trang Lightroom.....	25
CHƯƠNG III: CHỈNH SỬA VÀ CHUẨN HÓA ẢNH BẰNG LIGHTROOM.....	30
I. Giới thiệu các tính năng chỉnh sửa và ý nghĩa của từng công cụ, khái niệm nhiệt độ màu và cân bằng trắng.....	30
1. Chỉnh sửa từng ảnh và hàng loạt ảnh	30
2. Kết hợp Lightroom với các phần mềm xử lý ảnh khác	32
3. File ảnh gốc được giữ nguyên vẹn khi xử lý trong Lightroom	34
4. Khái niệm nhiệt độ màu và cân bằng trắng	36
5. Sử dụng cân bằng trắng	36
II. Khái niệm Tint, độ phơi sáng, xử lý chất lượng ảnh, lỗi ảnh Tone Curve, công cụ xử lý cân bằng màu và Histograma	37
1. Khái niệm Tint.....	37

2. Độ phơi sáng	38
3. Sử dụng tính năng Snapshot xử lý chất lượng ảnh.....	38
4. Tinh chỉnh thang màu bằng Tone Curve	39
5. Xử lý cân bằng màu và Histograma.....	40
Thực hành	43
CHƯƠNG IV: CÔNG CỤ XỬ LÝ VÙNG MÀU, XỬ LÝ TÔNG MÀU CHO ẢNH	53
I. Hiểu bản chất của công cụ xử lý vùng màu Hsl.....	53
1. Công cụ HSL.....	53
2. Nút tùy chọn như công cụ Tone Curve.....	54
II. Nhận biết vùng màu và xử lý bằng HSL, công cụ Split Toning.....	56
1. Cách Sử dụng Công cụ HSL	56
2. Công cụ Split Toning	57
Thực hành	58
CHƯƠNG V: CÔNG CỤ XỬ LÝ HIỆU ỨNG ẢNH NÂNG CAO	68
I. Công cụ Graduated Filter, kết hợp Brush	68
II. Xử lý ảnh bằng cách kết hợp Photoshop và Lightroom, Brush nâng cao.....	71
1. Xử lý ảnh bằng cách kết hợp Photoshop và Lightroom	71
2. Brush nâng cao.....	75
III. Preset, Công cụ Radial Filter, Công cụ xóa mụn – Spot Removal.....	79
1. Preset.....	79
2. Công cụ Radial Filter	83
3. Công cụ xóa mụn – Spot Removal	83
Thực hành	84
CHƯƠNG VI: CROP ẢNH, VIGNETTING, DISORTION, LENS CORRECTION VÀ CÔNG CỤ TRANSFORM	86
I. Kỹ thuật Crop ảnh xử lý chất lượng ảnh, Vignetting, Disortion, Lens correction.....	86
1. Kỹ thuật CropOverlay (R)	86
2. Vignetting, Disortion, Lens Correction.....	87
II. Xử lý hiệu ứng viền tím, Transform, tạo ảnh Pandaroma trong Lightroom.....	93
1. Xử lý hiệu ứng viền tím	93
2. Sử dụng Transform trong Lightroom.....	94
3. Tạo ảnh Pandaroma trong Lightroom	95
Thực hành	96
CHƯƠNG VII: KẾT HỢP LIGHTROOM VÀ PHOTOSHOP	99

I. Kết hợp Lightroom và Photoshop.....	99
1. Kết hợp Photoshop xử lý tông màu với công cụ Dodge, Burn, Sponge	99
2. Khử nhiễu (Noise) với Photoshop	102
3. Xử lý bù ảnh với Photoshop	105
II. Thực hành.....	110
CHƯƠNG VIII: DÀN TRANG CHO ALBUM ẢNH PHỤC VỤ IN ẤN SỬ DỤNG LIGHTROOM.....	112
I. Giới thiệu tính năng tạo Album, dàn trang cho Album, Page Layout trong Lightroom	112
1. Tạo Catalog (Album) trong Lightroom.	112
2. Tìm hiểu về Catalog, tối ưu tốc độ Catalog.....	112
3. Giới thiệu cách tạo catalog trong Lightroom cho người mới sử dụng	113
4. Chế độ dàn trang.....	113
II. Sử dụng Guide và Cell, Text và Type, Background cho Album.....	117
1. Sử dụng Guide và Cell, Text và Type cho Album.....	117
2. Tính năng Background của Album	119
Thực hành.....	122
CHƯƠNG IX: TẠO GALLERY ẢNH ONLINE VỚI CÁC TÍNH NĂNG CỦA LIGHTROOM.....	124
I. Tạo Gallery ảnh Online với các tính năng của Lightroom	124
1. Nén ảnh.....	124
2. Xuất ảnh trong Lightroom	124
II. Thực hành	129
Tài liệu tham khảo	135

BẢNG KÝ HIỆU CÁC CHỮ TIẾNG ANH

STT	TIẾNG ANH	TIẾNG VIỆT
1	Balance	Cân bằng màu
2	Backup	Sao lưu
3	Brush	Cọ
4	Blend	Trộn màu
5	Burn Tool	Làm tối vùng nơi tô màu
6	Camera Calibration	Hiệu chỉnh máy ảnh
7	CPU	Bộ xử lý
8	Collection	Thu thập thông tin
9	Crop	Cắt hình ảnh
10	Curves	Đường cong màu
11	Devolop	Tiến triển, cải tiến
12	Detail	Chi tiết
13	Dead Pixel	Điểm ảnh chết
14	Dodge Tool	Làm sáng vùng nơi tô màu
15	Export	Xuất dữ liệu
16	Flag	Đánh dấu theo số sao
17	Format	Định dạng
18	Filter	Bộ lọc
19	Film Strip	Dải phim
20	Gradurated Filter	Bộ lọc
21	Guide	Vùng an toàn
22	History	Lưu lại thao tác
23	Histograma	Biểu đồ
24	Highlights	Điểm nổi bật
25	Hue	Tông màu
26	Hot Pixels	Điểm ảnh nóng
27	Import	Nhập dữ liệu
28	Library Filter	Bộ lọc thư viện
29	Lend	Bộ lọc màu
30	Lens Corrections	Xóa bỏ đường viền trên ảnh
31	Lens Distortions	Xử lý tình trạng méo ảnh

32	Long Exposure	Tiếp xúc lâu
33	Luminance	Độ sáng của màu
34	Noise	Nhiều hạt trong ảnh
35	Panorama	Ảnh chụp tổng thể
36	Radial filter	Bộ lọc
37	Raw	Ảnh kỹ thuật số
38	Restore	Khôi phục
39	Remove Chromatic Aberration	Quang sai màu trong nhiếp ảnh
40	Preset	Đặt trước
41	Snapshot	Ảnh chụp nhanh
42	Saturation	Độ bão hòa
43	Shadows	Bóng màu
44	Slideshow	Hiển thị ảnh
45	Stuck Pixel	Điểm ảnh bị kẹt
46	Spot removal	Xóa mụn
47	Tint	Tông màu
48	Tele	Ống kính phóng to khi chụp
49	Tone Curve	Đường cong
50	Vintage	Ảnh cũ
51	Vignetting	Làm mờ nét ảnh
52	Watermark	Chữ ký ảnh

Chương I: PHẦN MỀM LIGHTROOM

Lightroom là một phần mềm chỉnh sửa hình ảnh chuyên nghiệp, thay đổi độ sáng, màu sắc của hình ảnh nhanh với số lượng lớn, có tính năng lưu ảnh gốc trước khi chỉnh sửa nên không làm thay đổi các chi tiết của ảnh gốc. Khả năng xử lý ảnh Raw là tính năng được đánh giá rất cao của ứng dụng Lightroom so với các phần mềm chỉnh sửa ảnh khác. Trong chương này giới thiệu phần mềm, các tính năng và hướng dẫn cài đặt Lightroom.

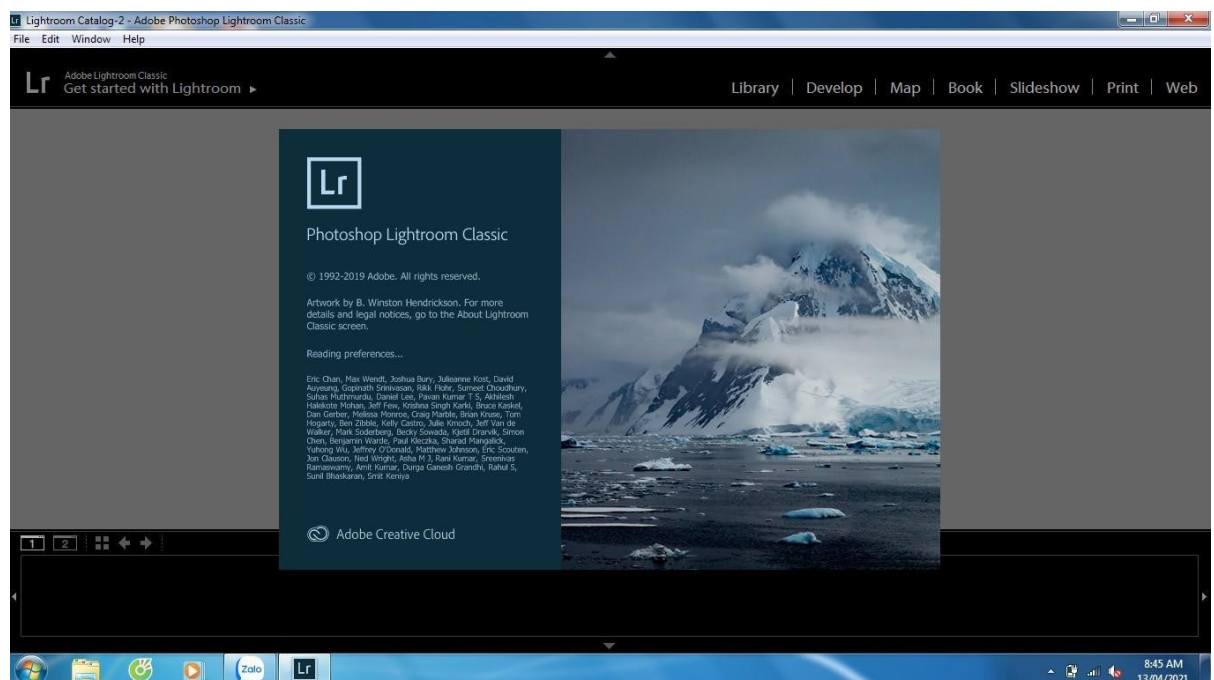
I. GIỚI THIỆU, CÀI ĐẶT LIGHTROOM

1. Giới thiệu

- Phần mềm Lightroom hay còn gọi đầy đủ là Adobe Lightroom là một phần mềm chỉnh sửa màu sắc tuyệt đẹp, thích hợp cho những nhiếp ảnh chuyên chụp ảnh và muốn chỉnh lại màu cho bức ảnh thêm lung linh và huyền bí. Lightroom và Photoshop đều thuộc Adobe.

- Phần mềm Adobe Lightroom được tích hợp thích ứng trên cả hai nền tảng là Windows và MacOS.

- Chức năng tiêu biểu nhất của Adobe Lightroom là quản lý và chỉnh sửa hàng loạt, đặc biệt là các bức ảnh kỹ thuật số.



Hình 1.1. Giao diện khởi động Adobe Lightroom

1.1. Về tính năng

Điểm chung của cả hai phần mềm là chỉnh sửa hình ảnh, File Raw, màu sắc độ

sáng, mỗi phần mềm có những đặc trưng riêng. Trong khi Photoshop thiên về cắt ghép thậm chí là sử dụng như một công cụ thiết kế đồ họa. Còn Lightroom lại thể hiện sức mạnh ở khả năng quản lý hình ảnh vô cùng ưu việt. Lightroom cho phép sắp xếp, phân loại hình ảnh theo thư mục và bộ sưu tập một cách tuyệt vời.

Lightroom còn có khả năng chỉnh sửa hình ảnh hàng loạt. Tính năng đặc biệt này không có ở Photoshop. Thời gian xử lý hình ảnh nhanh chóng, cho ra những bức ảnh tuyệt vời.

Lightroom còn có những tính năng khác như khả năng tự động cân bằng, tính năng lưu trữ File ảnh gốc trước khi chỉnh sửa.

1.2. Về đối tượng sử dụng

Lightroom hướng đến đối tượng khách hàng chính là nhiếp ảnh gia, những người chuyên làm việc trong lĩnh vực chụp ảnh. Họ là những người có số lượng ảnh vô cùng lớn, đồng thời lại không phải là người có nhiều nhu cầu về cắt ghép, thay đổi chi tiết bức ảnh.

Photoshop hướng đến đối tượng là những nhà thiết kế đồ họa. Những người thường xuyên tập trung vào việc cắt ghép, tô vẽ tạo ra nhiều bản thiết kế hoặc hình ảnh đặc biệt.

Như vậy, đối tượng sử dụng Lightroom và Photoshop là khác nhau nhưng nếu biết cách sử dụng kết hợp ưu thế của hai phần mềm này sẽ cho ra những bức ảnh chất lượng nhất.

2. Những tính năng nổi bật của Lightroom

2.1. Khả năng Lend màu ảnh

Lightroom cho phép biên tập hình ảnh với hàng trăm bộ lọc màu. Những hiệu ứng chỉnh ảnh, Preset được thiết kế và tích hợp sẵn.

Các thông số cân chỉnh về hiệu ứng màu sắc, độ tương phản, cân bằng màu, cân bằng trắng được thực hiện dễ dàng. Giao diện của Lightroom thân thiện, các Tab, bảng điều khiển, thanh quản lý thư viện, biên tập ảnh, trình chỉnh sửa, Slideshow, trực quan.

2.2. Quản lý bộ sưu tập

Lightroom cung cấp khả năng quản lý hình ảnh thông minh. Với Lightroom mọi bức ảnh trước khi chỉnh sửa đều được lưu trữ ảnh gốc. Lightroom như một trung gian chỉnh sửa, mọi hình ảnh trước và sau khi chỉnh sửa đều được lưu trữ riêng biệt nên không làm thay đổi chất lượng ảnh ban đầu, bảo toàn được chất lượng ảnh gốc.

Những bộ ảnh được lưu trữ thành các Album. Lightroom chỉ cần một File duy nhất để lưu trữ mọi thay đổi. Hàng ngàn bức ảnh trước và sau chỉnh sửa được lưu trữ với

dung lượng nhẹ, truy xuất nhanh chóng và không chiếm dụng ổ cứng như khi lưu ảnh chỉnh sửa ở phần mềm Photoshop. Mặt khác, khi nhập ảnh vào Lightroom, người dùng có thể chỉnh sửa tiêu đề, chú thích, thêm từ khóa... cho mỗi bức ảnh.

2.3. Khả năng xử lý ảnh Raw

- Ảnh Raw là định dạng ảnh giữ nguyên toàn bộ chi tiết hình ảnh thu nhận được từ thiết bị chụp hình. Lightroom cho phép chỉnh sửa ảnh Raw một cách hoàn hảo. Việc thay đổi màu sắc của bức ảnh gần như không làm thay đổi chi tiết của ảnh gốc. Ảnh Raw được xử lý trực tiếp không qua nén ảnh.

- Ảnh Raw chứa nhiều thông tin, tính nguyên bản và độ chi tiết. Vì vậy chúng được đánh giá rất cao. Nếu bị nén về các định dạng khác như JPEG sẽ làm thay đổi rất nhiều chất lượng bức ảnh. Với những công cụ chỉnh sửa ảnh chuyên nghiệp Lightroom, các File ảnh Raw sẽ được chỉnh sửa trở nên chất lượng hơn.

3. Ứng dụng Lightroom vào công việc

Đối tượng chính mà Lightroom hướng tới là nhiếp ảnh gia và người đam mê chụp ảnh. Phần mềm này là một sự lựa chọn hoàn hảo.

Đối với lĩnh vực thiết kế đồ họa, khả năng làm việc của Lightroom cho phép kết hợp tốt với các phần mềm khác. Photoshop có trước và hoàn toàn có thể xử lý mọi vấn đề của hình ảnh nên được sử dụng nhiều hơn Lightroom.

Tuy ra đời sau Photoshop nhưng Lightroom thừa hưởng được tất cả những tinh hoa của Photoshop và ai đã biết về Photoshop thì chuyển sang sử dụng Lightroom là không trở ngại gì vì nó đơn giản hơn (Develop của Lightroom giống Camera Raw của Photoshop). Tuy nhiên Lightroom là một phần mềm thương mại nên Lightroom được thiết kế rất hoàn chỉnh, khoa học và phát triển riêng ra một hướng để đáp ứng một cách tốt nhất các nhu cầu ngày càng cao về hình ảnh của người dùng nên Adobe chỉ cần phát triển Lightroom với những tính năng cơ bản và những tiện ích mới nhắm tới nhu cầu của một tầng lớp người dùng với mức giá hợp lý hơn.

Cách sử dụng hiệu quả nhất là kết hợp sử dụng cả 2 phần mềm: Lightroom là phần mềm chính trong Workflow giúp quản lý dữ liệu và thực hiện phần hậu kỳ cơ bản (Correction), Photoshop dùng để làm sâu hơn, kỹ hơn nếu có nhu cầu can thiệp vào nội dung bức ảnh (Edit, Retouch và Design...) và các phần mềm xử lý ảnh khác (nếu cần).

II. THỰC HÀNH CÀI ĐẶT

1. Cấu hình cài đặt

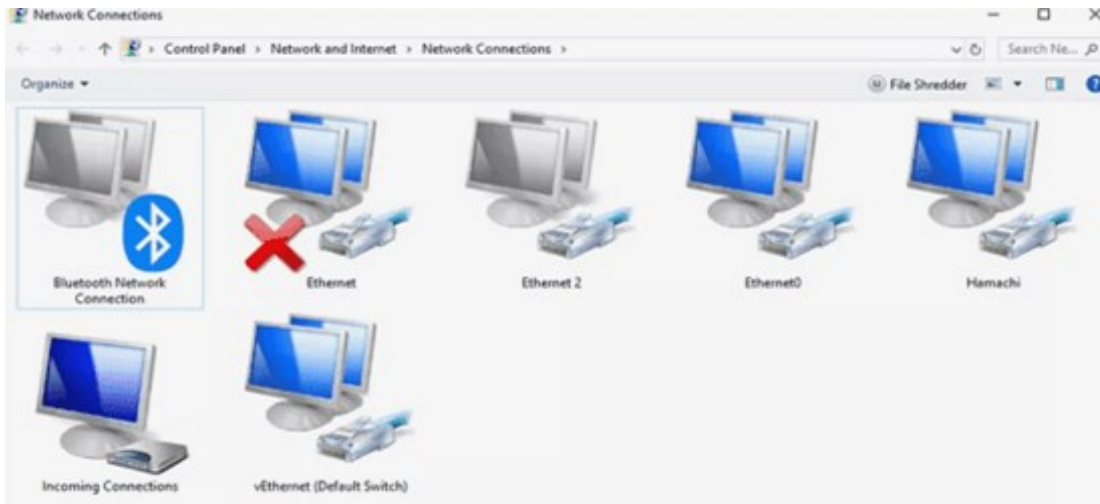
Cấu hình tối thiểu để sử dụng Lightroom 6 tương đương với Photoshop CC 2015

- CPU (Bộ xử lý): Đề xuất là Pentium 4 hoặc cao hơn.

- Hệ điều hành hỗ trợ: Tương thích với Windows 7, 8, 8.1 và 10 (Windows 64-bit)
- Raw (bộ nhớ truy xuất ngẫu nhiên): 2GB Raw hoặc cao hơn.
- Dung lượng trống của ổ cứng: 10GB hoặc cao hơn.
- Card màn hình 1-2 GB.
- Độ phân giải màn hình: 1024 x 768 hoặc cao hơn.

2. Hướng dẫn cài đặt

Bước 1: Ngắt kết nối Internet



Hình 1.2. Control Panel

- Trong Windows 10, Windows 8, Windows 7 và Windows Vista có thể tìm thấy tùy chọn này bằng cách bấm vào “Network and Internet” trong Cài đặt.

- Trong Windows XP, bỏ qua bước này. Thay vào đó, chọn Network and Internet Connections trong Control Panel (trong Category View) và sau đó chọn Network Connections ở phía dưới, và sau đó chuyển xuống.

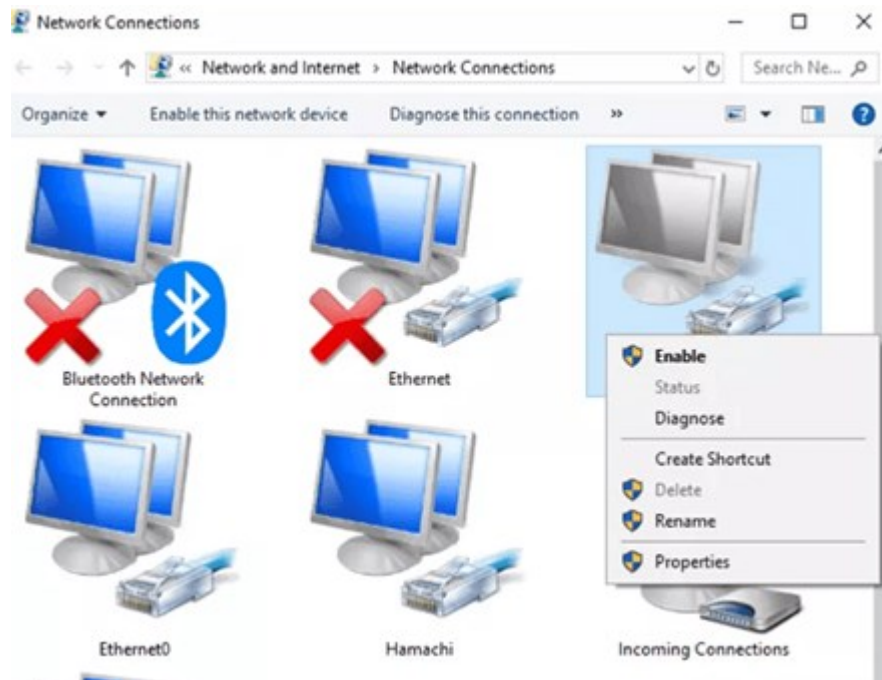
+ Nhấp vào “Change adapter settings” ở bên trái của Control Panel để chuyển đến phần kết nối mạng “Network Connections”.

- Nếu đang sử dụng Windows Vista, hãy chọn “Manage network connections”

+ Nhấp chuột phải và chọn vào “Disable” để tắt trong menu. Biểu tượng kết nối sẽ chuyển thành màu xám là đã bị tắt kết nối mạng trên Windows thành công.

- Nếu được yêu cầu xác nhận, hãy nhập mật khẩu Admin nếu chưa đăng nhập với tư cách quản trị viên (Admin)

- Lưu ý: Nếu không thấy tùy chọn tắt, điều đó có nghĩa là kết nối đã bị tắt. Chuyển xuống phần tiếp theo để bật lại.



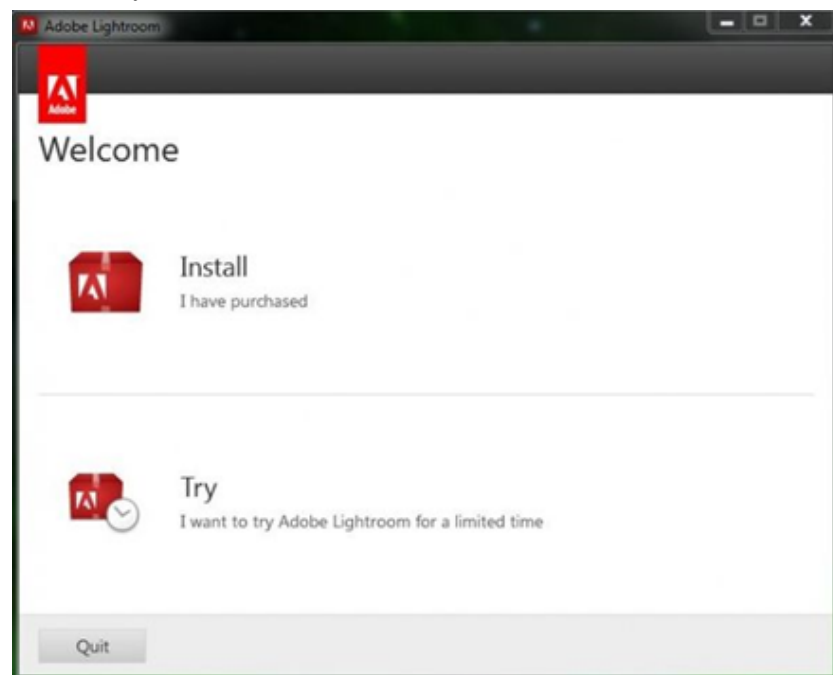
Hình 1.3. Reset mạng windows PC

- Để bật mạng lại thì hãy lặp lại các bước trên để chuyển vào phần Network Connections (Bước 1 đến Bước 3).

+ Nhấp chuột phải và chọn Anable để bật. Biểu tượng sẽ có màu trở lại để biết rằng nó đã được kích hoạt lại.

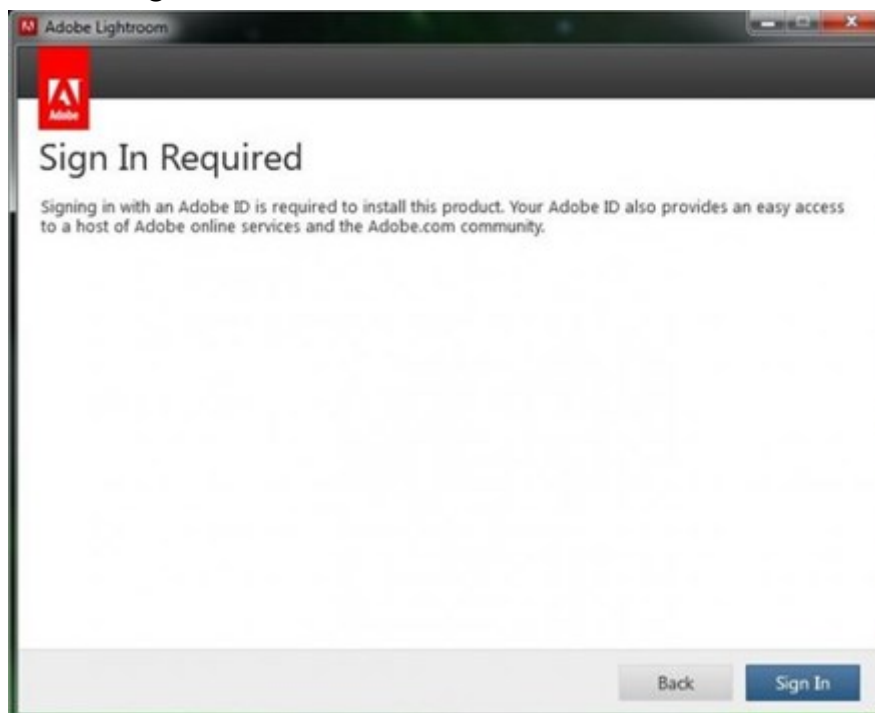
+ Nếu được yêu cầu, hãy nhập mật khẩu Admin để xác nhận

Bước 2: Chọn Try



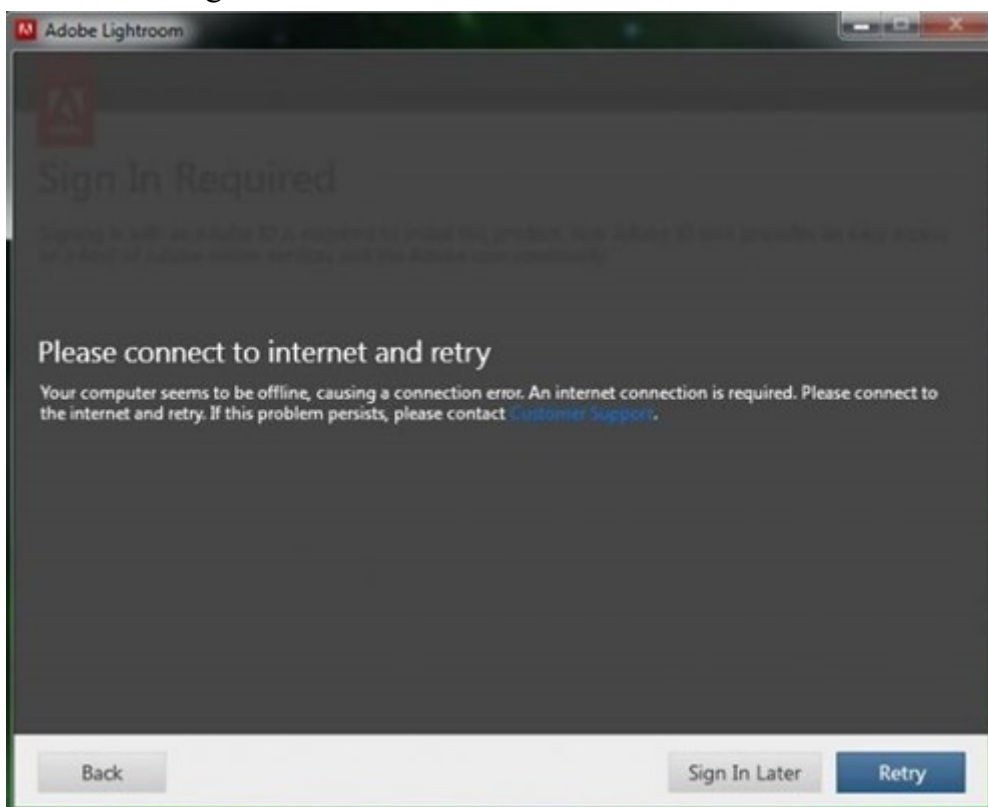
Hình 1.4. Try

Bước 3: Chọn Sign In



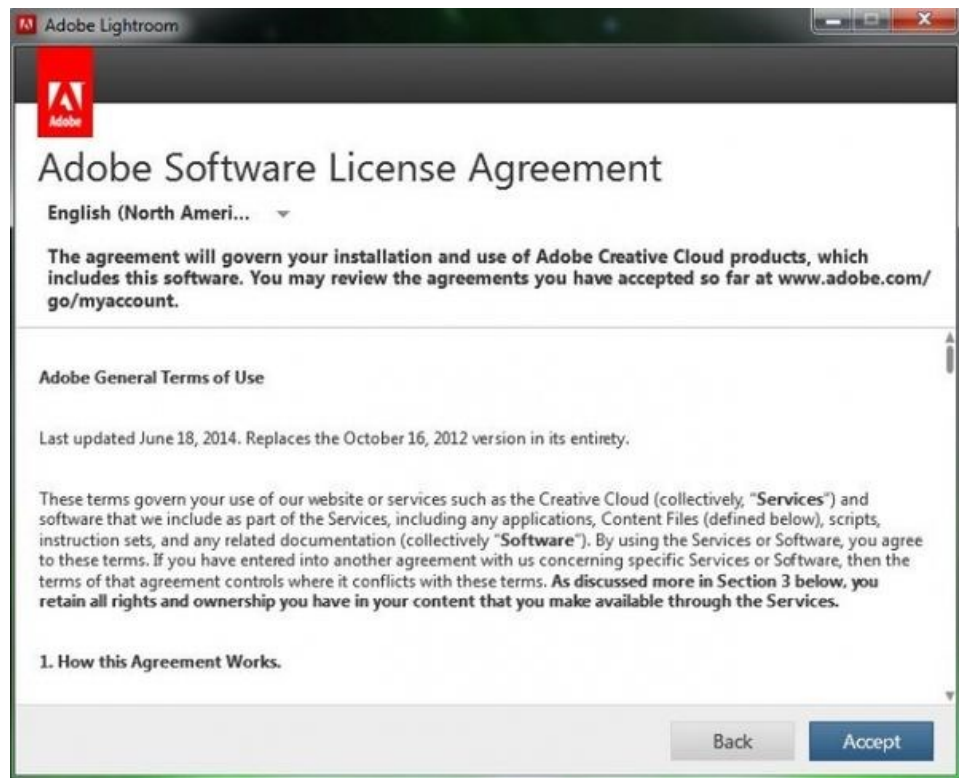
Hình 1.5. Sign In

Bước 4: Chọn Sign In Later



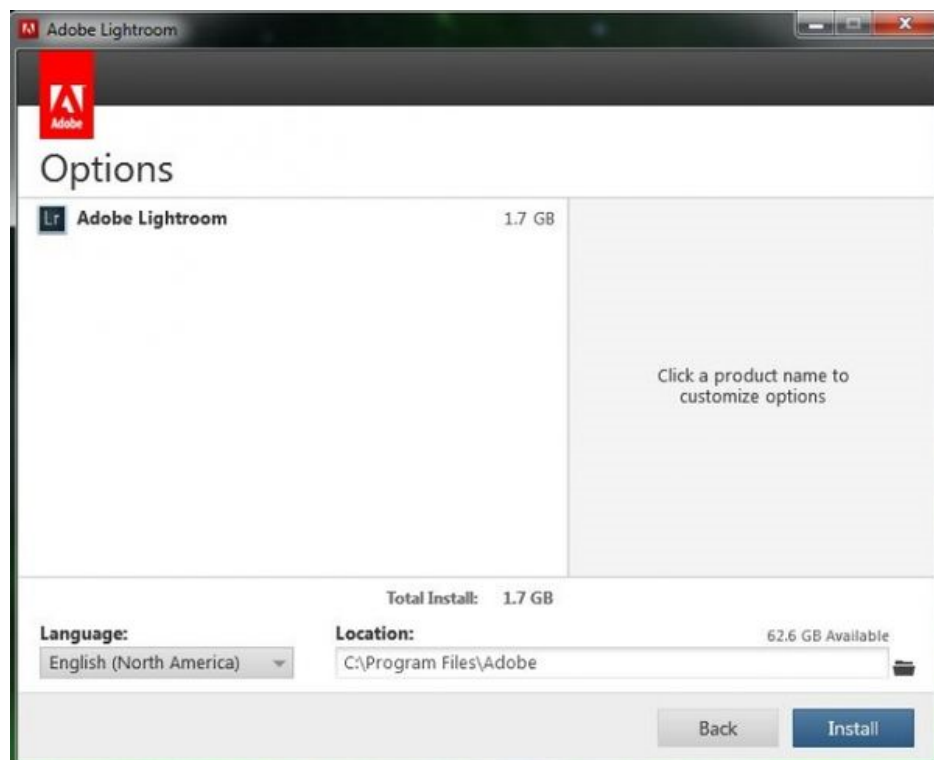
Hình 1.6. Sign In Later

Bước 5: Chọn Accept



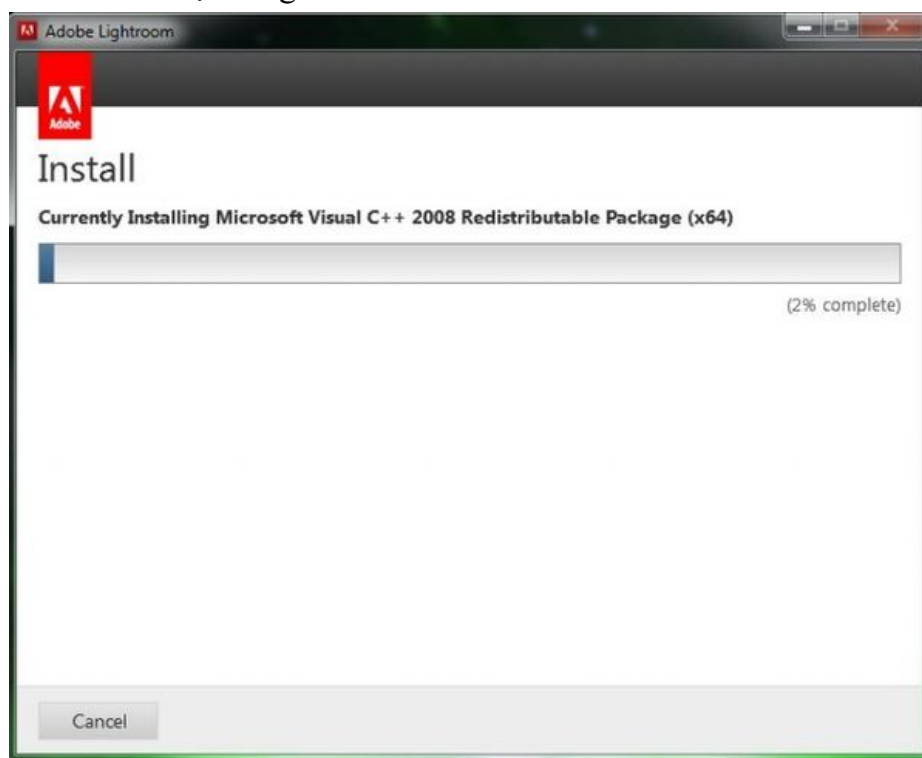
Hình 1.7. Accept

Bước 6: Chọn Install



Hình 1.7. Install

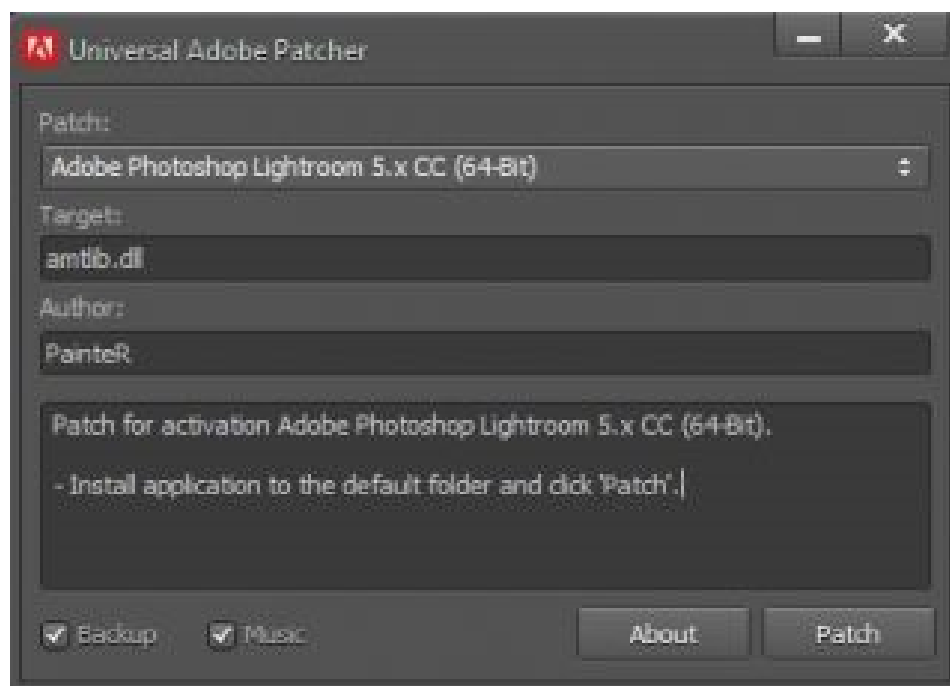
Bước 7: Chờ cài đặt xong



Hình 1.8. Chờ cài đặt

Bước 8: Hướng dẫn sử dụng Patcher

Mở File Adobe.snr.patch-painter.exe ở trong Universal.Adobe.Patcher.v1.4, chọn Patch, nếu hiện bảng Cannot Find... tìm đến File amtlib.dll, rồi Open, OK



Hình 1.9. Hướng dẫn sử dụng Patcher

CÂU HỎI ÔN TẬP CHƯƠNG I

Câu 1: Tính năng nổi bật phần mềm Lightroom là gì?

Câu 2: Tìm điểm khác nhau giữa phần mềm Lightroom và Photoshop.

Câu 3: Thực hành cài đặt phần mềm Lightroom.

TaiLieu.vn

Chương II: QUẢN LÝ THƯ VIỆN HÌNH ẢNH VỚI LIGHTROOM

Chương này trình bày cách mở File, nguyên lý cốt lõi, Backup được tài liệu, Restore lại dữ liệu trong Lightroom. Ứng dụng phần mềm Adobe Photoshop kết nối với trang Web Pexels, Lightroom, sử dụng được tính năng quản lý ảnh theo kiểu Keywords, theo kiểu mặt người.

I. QUẢN LÝ THƯ VIỆN HÌNH ẢNH VỚI LIGHTROOM

1. Cách mở File bằng Lightroom (*Import ảnh*)

Để sử dụng Lightroom, việc Import là bắt buộc, Import hình ảnh từ bất cứ nguồn dữ liệu nào được kết nối với máy tính kể cả trực tiếp từ máy ảnh đang kết nối với máy tính.

Vào File/ Import Photoshop, chọn Source, chọn ảnh, chọn nơi lưu trữ, chọn Import. Trong một Catalog, 1 bức ảnh chỉ có thể Import 1 lần duy nhất, Lightroom sẽ cảnh báo Already in Catalog (khi có ảnh trùng lặp trong Catalog).

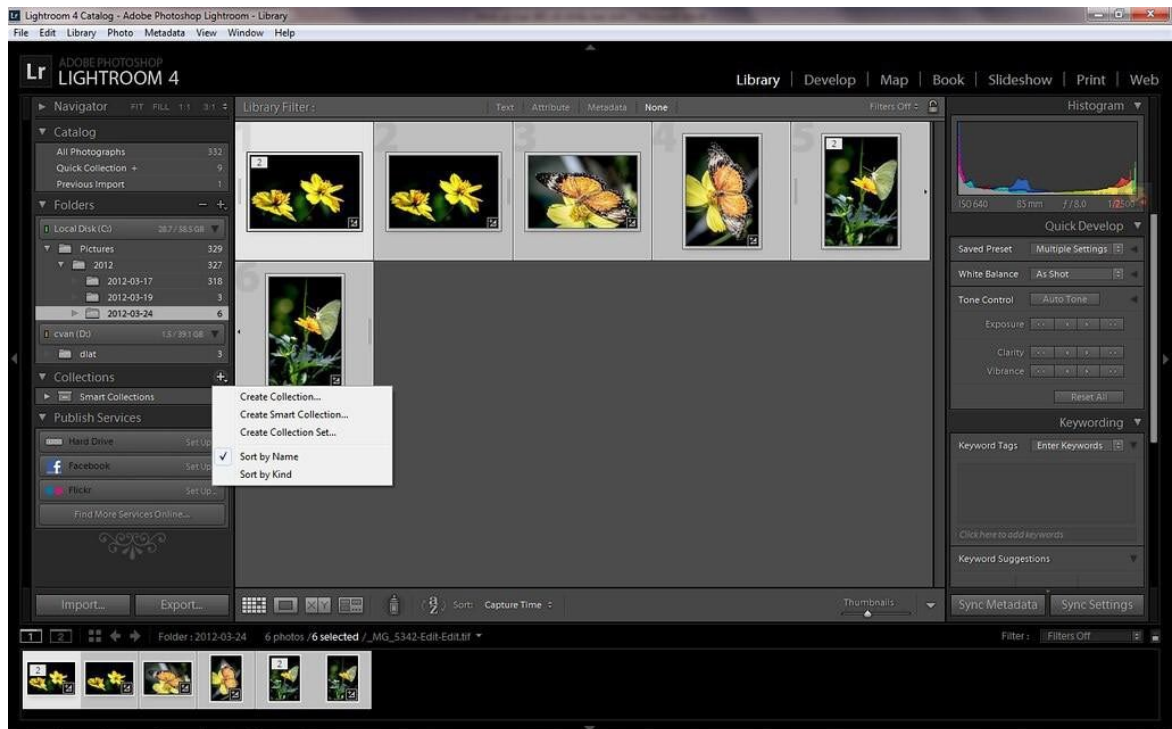
Đối với File ảnh gốc, để tránh lưu trữ trùng lặp cần lưu ý:

Nếu Import từ nguồn bên ngoài (thẻ nhớ, USB...) có 2 lựa chọn: chuyển qua DNG hoặc giữ nguyên Format, lưu vào một chỗ (tùy chọn) trong máy tính và Add thông tin vào Catalog (copy as PNG, copy). Nếu File ảnh đã được lưu trong ổ cứng (kể cả ổ cứng di động), ngoài 2 lựa chọn trên, Lightroom cho thêm 2 lựa chọn là Move (chuyển tới vị trí mới), nên (giữ nguyên vị trí) và mở thông tin vào Catalog. Nên chọn Move hoặc Add để không bị trùng.

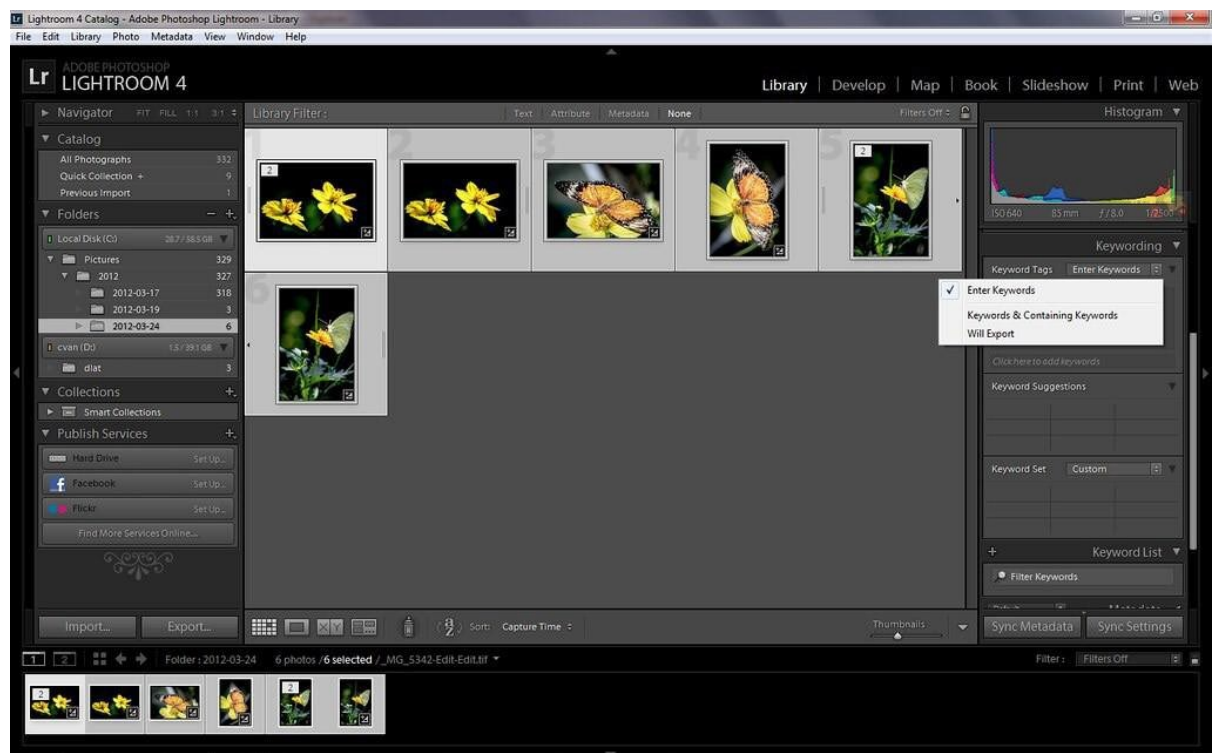


Hình 2.1. Cách mở File bằng Lightroom

Để thuận tiện cho quản lý nên tạo các Collection phù hợp, nhập ngay Keywords cho từng ảnh hoặc Collection để sau này tìm kiếm dễ dàng.



Hình 2.2. Cách mở File bằng Lightroom



Hình 2.3. Keywords

2. Nguyên lý cốt lõi của Lightroom (Develop)

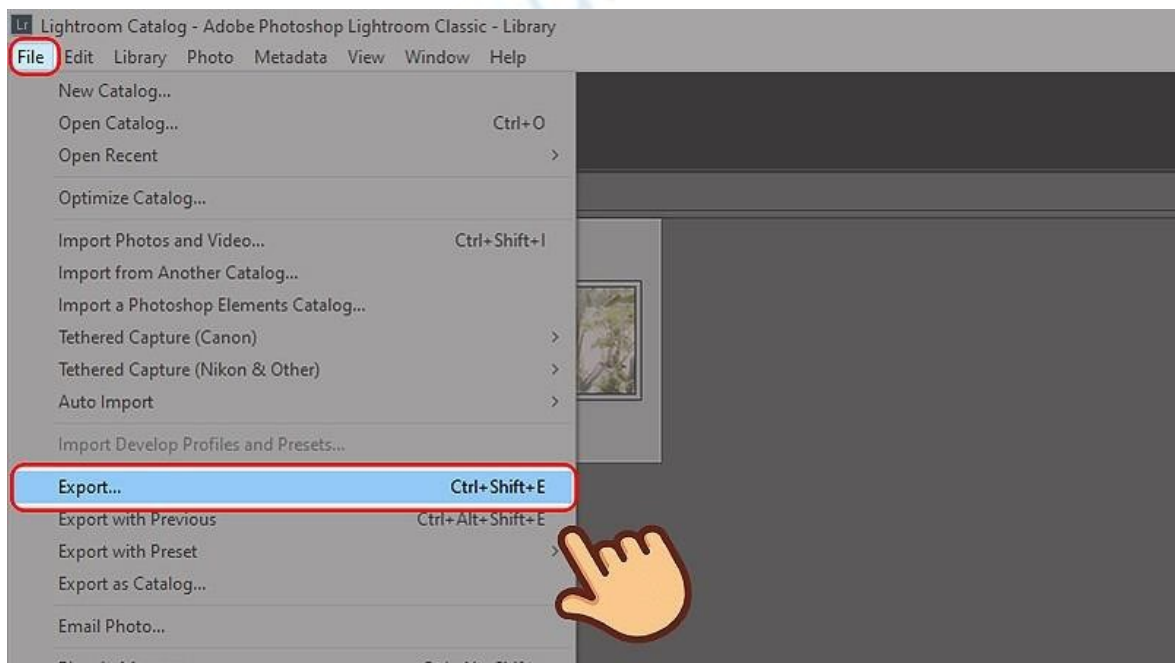
Develop là tập hợp các công cụ chỉnh sửa hình một cách trực quan, so với Photoshop thì nhanh và tiện hơn trong việc Blend màu. Nó giúp chỉnh sửa bức hình trở nên đẹp, mới hơn với hình cũ. Đặc biệt, Develop cũng cung cấp chức năng History chỉ

tiết và dễ thao tác. Bên cạnh đó, Photoshop có Action thì Lightroom có Preset. Quy trình chỉnh sửa bao gồm:

- Bước 1: Crop hình
- Bước 2: Chỉnh cân bằng trắng (WB)
- Bước 3: Chỉnh ánh sáng (Expose)
- Bước 4: Chỉnh lại độ tương phản, màu và giá trị Tone
- Bước 5: Chỉnh lại Vignett
- Bước 6: Làm sắc nét ảnh

3. Xem File đã chỉnh sửa

- Bước 1: Chọn ảnh muốn xuất và chọn File, chọn Export. Hoặc nhấn tổ hợp phím **Ctrl + Shift + E** để mở bảng Export.



Hình 2.4. Export

- Bước 2: Chọn Export to Hard Drive để lưu về ổ đĩa trên máy tính.